

ĐÀO TẠO LUẬT TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ: TÁC ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG

Lê Thị Giang¹

Email: lethigianghlu@gmail.com

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 19/11/2025

Ngày phản biện đánh giá: 03/12/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 15/12/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.1027

Tóm tắt: Chuyển đổi số đang làm thay đổi sâu sắc cấu trúc và phương thức vận hành của giáo dục đại học nói chung, và đào tạo luật nói riêng. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và xã hội số, việc đào tạo nguồn nhân lực pháp lý có năng lực công nghệ, hiểu biết về dữ liệu và đạo đức pháp lý số trở thành yêu cầu cấp thiết. Bài viết tập trung phân tích các tác động của chuyển đổi số đối với đào tạo luật, cả ở khía cạnh tích cực và thách thức; qua đó, bài viết đề xuất định hướng xây dựng mô hình “đào tạo luật trong môi trường số” với các trụ cột.

Từ khóa: đào tạo luật, chuyển đổi số, giáo dục pháp luật, năng lực số, học liệu điện tử, đánh giá theo chuẩn đầu ra

I. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số đã trở thành xu thế tất yếu trong mọi lĩnh vực, trong đó có giáo dục đại học. Chuyển đổi số không chỉ là việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy mà còn là quá trình đổi mới toàn diện phương thức tổ chức, quản lý và bảo đảm chất lượng đào tạo. Các cơ sở giáo dục đại học hiện nay đang chịu áp lực phải thay đổi mạnh mẽ để đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế tri thức.

Đào tạo luật vốn mang tính truyền thống cao, đề cao sự tương tác trực tiếp giữa giảng viên và sinh viên. Tuy nhiên,

trước sự phát triển của xã hội số, mô hình đào tạo này cần được chuyển đổi cho phù hợp. Chuyển đổi số trong đào tạo luật không chỉ dừng ở việc hỗ trợ giảng dạy bằng công nghệ, mà còn bao gồm việc tái cấu trúc toàn bộ quy trình đào tạo, từ chương trình, học liệu, đánh giá đến phương thức tương tác. Điều này đòi hỏi xây dựng mô hình đào tạo luật hiện đại, linh hoạt, gắn với chuẩn đầu ra và nhu cầu thị trường lao động trong thời kỳ số hóa.

Tại Việt Nam, chủ trương chuyển đổi số trong giáo dục đã được thể chế hóa rõ ràng, đặc biệt tại Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó nhấn mạnh phát triển

¹ Trường Đại học Luật Hà Nội

hệ sinh thái giáo dục số, học liệu điện tử và năng lực số cho đội ngũ giảng viên, người học.

II. Cơ sở lý thuyết

Chuyển đổi số trong giáo dục nói chung và đào tạo luật nói riêng đang hình thành một “không gian học tập mở”, nơi tri thức pháp lý vượt khỏi giới hạn giảng đường và thời gian cố định. Thông qua nền tảng số, học liệu điện tử và môi trường trực tuyến, người học có thể tiếp cận kiến thức mọi lúc, mọi nơi, đồng thời tham gia các hoạt động tương tác, mô phỏng và thực hành pháp lý trong không gian số, góp phần lan tỏa và tái cấu trúc tri thức pháp luật theo hướng linh hoạt, hiện đại.

Thứ nhất, chuyển đổi số mở rộng đáng kể khả năng tiếp cận học liệu và môi trường học tập linh hoạt cho sinh viên và giảng viên luật. Việc số hóa thư viện, giáo trình, án lệ và cơ sở dữ liệu pháp luật cho phép tra cứu và học tập không giới hạn không gian, thời gian. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” đã xác định mục tiêu phát triển kho học liệu số quốc gia và hệ thống bài giảng điện tử mở.

Thứ hai, mô hình học kết hợp (blended learning) mang lại hiệu quả rõ rệt trong đào tạo luật, giúp tăng mức độ tiếp thu và hứng thú học tập so với phương thức truyền thống. Kinh nghiệm của Đại học Helsinki và Đại học Utrecht cho thấy học kết hợp, nếu được thiết kế theo mô hình “tinh huớng - phản biện - áp dụng”, sẽ nâng cao năng lực phân tích án lệ và diễn giải quy phạm pháp luật (Storr, 2023).

Thứ ba, công nghệ cho phép mô phỏng thực hành nghề luật ở mức độ cao,

thông qua các phiên tòa giả định trực tuyến, giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường an toàn và tiết kiệm chi phí.

Thứ tư, phân tích học tập (learning analytics) hỗ trợ theo dõi tiến trình, đánh giá năng lực và cá thể hóa lộ trình học. Thực tiễn tại Trường Đại học Queensland cho thấy tỷ lệ hoàn thành môn học tăng 12% khi áp dụng công cụ này (Kharitonova, Y. & Sannikova, 2022).

Thứ năm, chuyển đổi số thúc đẩy đổi mới phương thức đánh giá theo hướng liên tục, công bằng và dựa trên dữ liệu, thông qua kiểm tra trực tuyến, e-portfolio và đánh giá dự án. Việc số hóa quy trình đánh giá giúp nâng cao tính minh bạch và giảm áp lực thi cử (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2022), đồng thời cải thiện hiệu suất học tập hơn 15% nhờ hệ thống phản hồi điện tử (Banihashem, S. K., Arasteh, H. & Hosseini, 2022).

Thứ sáu, môi trường số mở rộng hợp tác học thuật và quốc tế hóa đào tạo luật, tạo điều kiện cho đồng giảng, hội thảo quốc tế và trao đổi học tập xuyên biên giới, qua đó nâng cao năng lực ngoại ngữ pháp lý và xây dựng mạng lưới học thuật quốc tế cho sinh viên Việt Nam.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo cách tiếp cận định tính, kết hợp các phương pháp phân tích, tổng hợp và so sánh nhằm nhận diện đầy đủ tác động, thực trạng và yêu cầu đổi mới của đào tạo luật trong bối cảnh chuyển đổi số. Trước hết, bài viết rà soát hệ thống văn bản pháp luật, chiến lược, chương trình của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo liên quan đến chuyển đổi số trong giáo dục đại học, cùng các báo cáo quốc tế và công trình nghiên cứu

trong, ngoài nước về giáo dục pháp lý và công nghệ giáo dục.

Tiếp đó, phương pháp phân tích - tổng hợp được sử dụng để làm rõ mối liên hệ giữa chuyển đổi số với các thành tố của hệ sinh thái đào tạo luật như chương trình, phương pháp giảng dạy, học liệu, năng lực số, hạ tầng kỹ thuật và cơ chế quản trị. Các dữ liệu được đối chiếu với yêu cầu của nghề luật trong xã hội số để xác định xu hướng, thách thức và cơ hội đối với đào tạo luật tại Việt Nam.

Phương pháp so sánh được vận dụng nhằm phân tích kinh nghiệm chuyển đổi số của một số cơ sở đào tạo luật trên thế giới và đối chiếu với thực tiễn trong nước, qua đó chỉ ra khoảng cách giữa mô hình đào tạo truyền thống và mô hình đào tạo số, đồng thời gợi mở định hướng phù hợp.

Cuối cùng, phương pháp diễn giải và lập luận được sử dụng để xây dựng khung mô hình đào tạo luật trong môi trường số, gồm bốn hợp phần: năng lực số pháp lý, chương trình đào tạo thích ứng, cơ chế đánh giá dựa trên dữ liệu và hành lang pháp lý hỗ trợ. Sự kết hợp các phương pháp trên bảo đảm cho nghiên cứu có cái nhìn toàn diện và là cơ sở đề xuất các giải pháp phát triển đào tạo luật trong thời kỳ số hóa.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Tác động thách thức của chuyển đổi số đối với đào tạo luật

Chuyển đổi số trong giáo dục nói chung và đào tạo luật nói riêng không chỉ mở ra cơ hội đổi mới mà còn đặt ra nhiều thách thức đa chiều, xuất phát từ con người, thể chế và phương pháp sư phạm, chứ không đơn thuần là vấn đề kỹ thuật. Đây là một “quá trình văn hoá - công nghệ”, đòi hỏi sự thay đổi tư duy, năng lực

và cơ chế quản trị trong đào tạo luật, cụ thể: *Thứ nhất*, thách thức về năng lực số của giảng viên và người học. Nhiều giảng viên luật có nền tảng chuyên môn vững nhưng còn hạn chế về công nghệ, gây khó khăn trong thiết kế bài giảng số và quản trị lớp học trực tuyến. Sự chênh lệch về điều kiện tiếp cận công nghệ giữa các vùng miền cũng làm gia tăng “khoảng cách số”, phù hợp với nhận định của World Bank (2022) rằng năng lực số thấp là rào cản lớn đối với chuyển đổi số giáo dục ở các nước đang phát triển (World Bank, 2022); *Thứ hai*, thách thức về hạ tầng công nghệ và học liệu số pháp lý. Nhiều cơ sở đào tạo luật chưa có hạ tầng đồng bộ, hệ thống LMS thiếu ổn định, tốc độ đường truyền hạn chế và phần mềm bản quyền chưa đầy đủ. Việc sử dụng các nền tảng miễn phí khiến khó đảm bảo an toàn dữ liệu và tính năng chuyên biệt. Đồng thời, học liệu pháp lý số như giáo trình, án lệ, hồ sơ vụ việc vẫn thiếu quy chuẩn thống nhất; *Thứ ba*, thách thức về tương tác học tập, đạo đức học thuật và bảo mật dữ liệu. Môi trường trực tuyến làm giảm mức độ tương tác, ảnh hưởng đến động lực và chất lượng tranh luận học thuật của sinh viên. Các hành vi gian lận, sao chép trong kiểm tra trực tuyến và nguy cơ xâm phạm dữ liệu cá nhân ngày càng gia tăng. Các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng “an ninh học tập số” đang trở thành một tiêu chí đạo đức mới trong giáo dục luật (Kharitonova, Y. & Sannikova, 2022); *Thứ tư*, thách thức về kiểm định chất lượng và hành lang pháp lý. Hệ thống kiểm định hiện hành vẫn thiên về mô hình truyền thống, chưa theo kịp đào tạo trực tuyến và mô hình kết hợp, gây khó khăn cho việc công nhận chất lượng và giá trị pháp lý của kết quả học tập, tín chỉ hay chứng chỉ điện tử; *Thứ năm*, thách thức trong việc giữ gìn

bản sắc nghề luật và phương pháp đào tạo truyền thống. Nghề luật đòi hỏi kỹ năng tranh luận, giao tiếp và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, những yếu tố có nguy cơ bị suy giảm nếu lạm dụng công nghệ. Một số học giả cảnh báo rằng dạy học luật quá thiên về công nghệ có thể làm mờ nhạt giá trị nhân văn và tư duy phản biện của sinh viên (Thanaraj, G. & Gledhill, 2021). Vì vậy, chuyển đổi số cần được xem là công cụ hỗ trợ, không thay thế vai trò trung tâm của giảng viên trong dẫn dắt và phát triển tư duy pháp lý.

4.2. Thực trạng đào tạo luật tại Việt Nam trong bối cảnh số

Trong hơn ba năm gần đây, chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo đã trở thành định hướng chiến lược của Chính phủ Việt Nam, không chỉ dừng ở ứng dụng công nghệ thông tin mà hướng tới tái cấu trúc toàn diện hoạt động dạy học, quản trị và kiểm định chất lượng theo mô hình “giáo dục số quốc gia”. Nhiều văn bản quy phạm pháp luật và chiến lược đã được ban hành, tạo nền tảng pháp lý cho các cơ sở giáo dục đại học, trong đó có khối đào tạo luật, triển khai chuyển đổi số.

Thứ nhất, về khung chính sách và chiến lược quốc gia. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến 2025, định hướng 2030” xác định giáo dục là lĩnh vực ưu tiên hàng đầu. Tiếp đó, Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 nhấn mạnh ba nhiệm vụ trọng tâm: phát triển học liệu mở quốc gia, xây dựng nền tảng quản trị giáo dục số và nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và người học. Các mục tiêu này tiếp tục được cụ thể hóa trong Kế hoạch hành động số 366/KH-BGDĐT năm 2023

(Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2022), tạo hành lang pháp lý quan trọng để các trường luật chủ động triển khai chuyển đổi số.

Thứ hai, về triển khai trong khối cơ sở đào tạo luật. Trên cơ sở các văn bản cấp Chính phủ, nhiều trường đại học luật đã xây dựng kế hoạch chuyển đổi số riêng, tập trung vào ba trụ cột: số hóa học liệu, ứng dụng hệ thống quản lý học tập (LMS ULIS Law Online) và đào tạo kỹ năng số cho giảng viên.

Thứ ba, về hiệu quả và khoảng trống chính sách. Mặc dù hệ thống văn bản tương đối đầy đủ, việc triển khai còn chưa đồng đều. Một số quy định mang tính định hướng, thiếu chuẩn đầu ra năng lực số cho sinh viên luật. Khung tiêu chuẩn kiểm định của Bộ GD&ĐT (2021) mới chỉ có một tiêu chí về “ứng dụng CNTT”, chưa phản ánh đặc thù đào tạo luật. Báo cáo của Ngân hàng Thế giới cho thấy Việt Nam mới đạt 56% chỉ số sẵn sàng chuyển đổi số trong giáo dục đại học, thấp hơn mức trung bình khu vực Đông Á (World Bank, 2022). Đồng thời, cơ chế phối hợp giữa Bộ GD&ĐT và Bộ Tư pháp trong định hướng đào tạo luật số còn hạn chế; các học phần về pháp luật dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và không gian mạng mới ở giai đoạn thí điểm.

4.3. Nguyên nhân của những hạn chế trong chuyển đổi số đào tạo luật ở Việt Nam

Mặc dù chuyển đổi số trong giáo dục pháp luật Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực, quá trình này vẫn bộc lộ không ít hạn chế về thể chế, tổ chức, con người và hạ tầng kỹ thuật. Việc nhận diện đúng nguyên nhân của các hạn chế có ý nghĩa quan trọng đối với việc hoàn thiện chính sách và bảo đảm phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

Thứ nhất, nhận thức và tư duy quản trị chuyển đổi số chưa thống nhất. Ở nhiều cơ sở đào tạo luật, chuyển đổi số vẫn được hiểu chủ yếu là ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, thay vì là quá trình đổi mới toàn diện về triết lý giáo dục, quản trị và phương pháp đào tạo. Việc triển khai còn mang tính rời rạc, ngắn hạn, thiếu chiến lược và lộ trình tổng thể.

Thứ hai, hạn chế về nguồn nhân lực và năng lực kỹ thuật. Giảng viên luật có nền tảng chuyên môn vững nhưng phần lớn chưa được đào tạo bài bản về công nghệ giáo dục, thiết kế học liệu số và khai thác hệ thống LMS. Nhiều trường thiếu đơn vị chuyên trách về chuyển đổi số, khiến việc triển khai phụ thuộc vào nỗ lực cá nhân hoặc dịch vụ thuê ngoài, thiếu tính bền vững.

Thứ ba, thiếu hụt về hạ tầng công nghệ và kinh phí đầu tư. Nguồn lực dành cho chuyển đổi số giáo dục còn hạn chế, đặc biệt tại các trường luật địa phương hoặc quy mô nhỏ. Việc đầu tư, vận hành và bảo trì hệ thống số hóa đòi hỏi chi phí lớn, trong khi cơ chế xã hội hóa và hợp tác công - tư trong công nghệ giáo dục chưa được khai thác hiệu quả, làm giảm tính ổn định và khả năng nhân rộng mô hình.

Thứ tư, học liệu số và cơ sở dữ liệu pháp luật chưa được chuẩn hóa và liên thông. Các trường chủ yếu xây dựng kho học liệu riêng lẻ, dẫn đến trùng lặp và thiếu tương thích. Học liệu phần lớn còn ở dạng tĩnh, chưa đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật dùng chung; đồng thời, vấn đề bản quyền và sở hữu trí tuệ chưa rõ ràng khiến việc chia sẻ học liệu còn dè dặt.

Thứ năm, thiếu cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý và cơ sở đào tạo. Liên kết giữa các trường luật với hệ thống tư pháp và các tổ chức hành nghề còn lỏng

lẻo. Các mô hình thực hành pháp lý số như phiên tòa ảo, hợp đồng điện tử hay ODR mới ở giai đoạn thí điểm, chưa có sự tham gia đồng bộ của các cơ quan quản lý và hiệp hội nghề nghiệp, hạn chế cơ hội rèn luyện kỹ năng thực tiễn cho sinh viên.

Thứ sáu, khung pháp lý điều chỉnh đào tạo trực tuyến còn chậm hoàn thiện. Các quy định về công nhận tín chỉ trực tuyến, kiểm định chương trình e-learning, lưu trữ dữ liệu học tập và văn bằng điện tử còn thiếu cụ thể. Việc chưa làm rõ giá trị pháp lý của đào tạo trực tuyến và cơ chế bảo mật dữ liệu học tập khiến nhiều cơ sở đào tạo thận trọng khi mở rộng đào tạo số.

4.4. Định hướng và giải pháp

Dưới đây là những định hướng và giải pháp thiết thực để cơ sở đào tạo luật tại Việt Nam bước vào giai đoạn chuyển đổi số một cách hiệu quả và bền vững.

4.4.1. Định hướng phát triển mô hình đào tạo luật thích ứng với chuyển đổi số

Việc định hình mô hình đào tạo luật trong kỷ nguyên chuyển đổi số cần được đặt trong tổng thể chiến lược giáo dục số quốc gia và gắn với yêu cầu đổi mới căn bản giáo dục đại học. Chuyển đổi số không chỉ là hiện đại hóa phương tiện giảng dạy mà là quá trình tái cấu trúc toàn diện hệ sinh thái đào tạo pháp lý, bao gồm chương trình, học liệu, phương pháp, quản trị và kiểm định chất lượng.

Mô hình đào tạo luật trong thời kỳ số cần bảo đảm sự đồng bộ giữa đổi mới sư phạm và chuyển đổi số, giữa công nghệ và nội dung chuyên môn, cũng như giữa quản trị đại học và khung pháp lý quốc gia. Trên cơ sở đó, có thể xác lập một số định hướng trọng tâm: *Một là*, phát triển mô hình đào tạo lấy người học làm trung tâm trên nền tảng số. Các cơ sở đào tạo

luật cần xây dựng hệ sinh thái học tập mở, cho phép sinh viên tiếp cận học liệu số, học tập cá thể hóa và chủ động lựa chọn lộ trình học. Việc ứng dụng hệ thống quản lý học tập và các mô hình học tập linh hoạt góp phần phát triển tư duy phản biện, năng lực nghiên cứu và tự học của sinh viên luật; *Hai là*, định hướng chương trình đào tạo theo chuẩn năng lực số pháp lý. Sinh viên luật cần được trang bị kỹ năng sử dụng công cụ pháp lý điện tử, tra cứu và phân tích dữ liệu pháp luật, cùng ý thức đạo đức học thuật và bảo mật trong môi trường số. Việc xây dựng chuẩn năng lực số pháp lý là cơ sở để chuẩn hóa đầu ra và kiểm định chất lượng đào tạo; *Ba là*, phát triển quản trị đại học số trong khối ngành luật. Các trường luật cần triển khai mô hình quản trị dựa trên dữ liệu, tích hợp quản lý học vụ, nghiên cứu và kiểm định chất lượng, nhằm nâng cao tính minh bạch, hiệu quả quản lý và hỗ trợ ra quyết định; *Bốn là*, thúc đẩy quốc tế hóa đào tạo luật thông qua nền tảng số. Các hình thức học tập và trao đổi trực tuyến xuyên biên giới giúp sinh viên mở rộng năng lực pháp lý so sánh, ngoại ngữ chuyên ngành và kỹ năng hội nhập, đồng thời góp phần nâng cao vị thế của giáo dục luật Việt Nam.

4.4.2. Các giải pháp cụ thể phát triển mô hình đào tạo luật thích ứng với chuyển đổi số

Để phát triển mô hình đào tạo luật thích ứng với chuyển đổi số, việc hoàn thiện thể chế và tổ chức giữ vai trò nền tảng, bao gồm từ khung pháp lý, cơ chế quản trị, kiểm định đến nguồn lực và phối hợp liên ngành, nhằm bảo đảm chuyển đổi số diễn ra đồng bộ, thực chất và bền vững, cụ thể: *Thứ nhất*, cần hoàn thiện khung pháp lý chuyên biệt cho đào tạo luật trong môi trường số, với các quy định về học

liệu pháp lý điện tử, công nhận tín chỉ trực tuyến, văn bằng điện tử, bảo mật dữ liệu và chuẩn năng lực số của giảng viên, sinh viên luật làm tiêu chí kiểm định bắt buộc; *Thứ hai*, cần thiết lập cơ chế điều phối liên bộ giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tư pháp, các cơ quan tư pháp trung ương và tổ chức nghề nghiệp; hình thành Hội đồng điều phối chuyển đổi số giáo dục pháp luật để thống nhất định hướng, giám sát và kết nối các chủ thể liên quan; *Thứ ba*, đổi mới kiểm định chất lượng và đánh giá kết quả học tập trực tuyến theo hướng dựa trên năng lực, ứng dụng công nghệ trong kiểm định, sử dụng hệ thống đánh giá tự động và dữ liệu minh chứng điện tử nhằm bảo đảm tính khách quan, minh bạch; *Thứ tư*, các trường luật cần tái cấu trúc mô hình tổ chức theo hướng quản trị đại học số, thành lập đơn vị chuyên trách về chuyển đổi số; tích hợp các hệ thống quản lý học tập, tài chính, hành chính và dữ liệu sinh viên trên cùng một nền tảng; *Thứ năm*, phải bảo đảm nguồn lực tài chính bền vững thông qua cơ chế kết hợp ngân sách nhà nước, xã hội hóa và hợp tác công - tư; đồng thời khai thác các chương trình đào tạo trực tuyến, học liệu số để tái đầu tư cho chuyển đổi số; *Thứ sáu*, tăng cường hợp tác công nghệ và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở đào tạo luật thông qua việc xây dựng nền tảng học liệu pháp lý số chung, liên thông giáo trình, án lệ, bài giảng và mô phỏng nghiệp vụ.

4.4.3. Điều kiện bảo đảm để thực hiện hiệu quả chuyển đổi số trong đào tạo luật

Song song với hoàn thiện thể chế và tổ chức, phát triển hạ tầng, học liệu và công nghệ là trụ cột vật chất, kỹ thuật quyết định thành công của chuyển đổi số trong đào tạo luật. Do đặc thù ngành luật đòi hỏi tính chính xác, bảo mật và tương tác cao, các giải pháp hạ tầng, công nghệ

cần được triển khai đồng bộ, bền vững và lấy người học làm trung tâm, cụ thể: *Thứ nhất*, cần đầu tư đồng bộ hạ tầng công nghệ thông tin, gồm hệ thống máy chủ, đường truyền tốc độ cao, trung tâm dữ liệu học liệu pháp lý và các phòng học thông minh phục vụ dạy học kết hợp. Hệ thống quản lý học tập tích hợp phải gắn với quản lý đào tạo, nhân sự và nghiên cứu khoa học để đồng bộ dữ liệu và đánh giá hiệu quả học tập theo thời gian thực; *Thứ hai*, cần xây dựng cơ sở dữ liệu pháp luật và học liệu số mở, liên thông toàn quốc, kết nối các trường luật, viện nghiên cứu và cơ quan tư pháp. Hệ thống này bao gồm giáo trình, án lệ, văn bản pháp luật, mô hình vụ việc, bài giảng số, được chuẩn hóa theo định dạng kỹ thuật quốc tế, từng bước hình thành thư viện số pháp lý quốc gia; *Thứ ba*, đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy luật như trợ giảng ảo, tra cứu pháp luật tự động, gợi ý lập luận và mô phỏng phiên tòa ảo, qua đó nâng cao kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong môi trường số an toàn; *Thứ tư*, chuẩn hóa và số hóa học liệu theo hướng tương tác, đa phương tiện và cập nhật thường xuyên; xây dựng quy trình thẩm định, cập nhật học liệu điện tử hằng năm nhằm bảo đảm tính chính xác trong bối cảnh pháp luật biến động nhanh; *Thứ năm*, tăng cường an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu học tập thông qua hệ thống bảo mật nhiều lớp, mã hóa dữ liệu, sao lưu định kỳ và tuân thủ nghiêm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền sở hữu trí tuệ.

V. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy chuyển đổi số đang tái định hình căn bản hệ thống đào tạo luật ở Việt Nam, từ học liệu, phương thức dạy học, mô phỏng thực hành đến đánh giá dựa trên dữ liệu. Quá trình

này mở ra cơ hội tiếp cận các chuẩn mực hiện đại nhưng cũng bộc lộ nhiều thách thức về năng lực số, hạ tầng, kiểm định chất lượng và khung pháp lý. Chuyển đổi số vì vậy không chỉ là vấn đề kỹ thuật mà là yêu cầu đổi mới toàn diện về tư duy và quản trị. Trên cơ sở phân tích, nghiên cứu đề xuất mô hình đào tạo luật số gồm bốn hợp phần: năng lực số pháp lý, chương trình thích ứng, cơ chế đánh giá dựa trên dữ liệu và hệ thống thể chế hỗ trợ. Các hợp phần này có quan hệ hữu cơ, tạo nền tảng cho mô hình đào tạo hiện đại, linh hoạt và mở. Khi triển khai đồng bộ, mô hình giúp thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo truyền thống và yêu cầu của xã hội số.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Banihashem, S., Rahimi, F., & Shamsi, M. (2022), *E-Assessment and Student Feedback in Digital Learning Environments*, Education and Information Technologies, Vol. 27(5), pp. 6789-6806.
- [2]. Kharitonova, T., & Sannikova, A. (2022), *Digital Ethics and Data Protection in Online Legal Education*, Medicine, Law & Society, Vol. 15(2), pp. 151-168,
- [3]. Storr, C. (2023), *Technology, Pedagogy and Legal Education: Re-imagining Law Schools in the Digital Age*, The Law Teacher, Vol. 57(3), pp. 265-283.
- [4]. Sharif, A. (2024), *Digital Transformation and Pedagogical Innovation in Higher Legal Education*, Education Sciences, Vol. 14(2), pp. 112-130.
- [5]. Thanaraj, A., & Gledhill, K. (2021), *Teaching Legal Education in the Digital Age*, Routledge, London & New York -14.
- [6]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo*

- dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”, Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
- [7]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023), *Kế hoạch hành động số 366/KH-BGDĐT thực hiện Chương trình chuyển đổi số ngành giáo dục*, Hà Nội.
- [8]. Quyết định số 749/QĐ-TTg (03/6/2020), *Phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030”*, Thủ tướng Chính phủ.
- [9]. Ngân hàng Thế giới (World Bank) (2022), *Vietnam Digital Education Readiness Index 2022 - Higher Education Sector Report*, Hà Nội.

LEGAL EDUCATION IN THE CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION: IMPACTS AND ORIENTATIONS

*Le Thi Giang*¹

Abstract: *Digital transformation is profoundly altering the structure and operational methods of higher education in general, and legal education in particular. In the context of globalization and the digital society, training legal professionals with technological competence, data literacy, and digital legal ethics has become an urgent requirement. This article focuses on analyzing the impacts of digital transformation on legal education, encompassing both positive aspects and challenges. Accordingly, it proposes orientations for developing a “legal education in the digital environment” model based on key pillars.*

Keywords: *legal education, digital transformation, legal pedagogy, digital competency, electronic learning resources, outcome-based assessment*

¹ Hanoi Law University